

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-ST
Ngày 10-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp;
Ông Trần Công Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lua, Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Duy-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã h.

Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật ông Dương Quyết Thắng, **Chức vụ: Tổng giám đốc.**

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thanh D, sinh năm: 1984, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã h huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện U, tỉnh C ..

Theo Quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã h và giấy ủy quyền số 155/UQ-PGD ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã h huyện U Minh.

- Bị đơn: 1. Bà Cao Thị T1, sinh năm: 1972.

2. Ông Nguyễn N, sinh năm: 1969.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Phượng T2, sinh năm: 1993.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Bà D vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị đơn, người liên quan vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2020 Ngân hàng chính sách xã h yêu cầu:

Bà Cao Thị T1 và ông Nguyễn N đã vi phạm hợp đồng tín dụng của 02 món vay như sau: Cho vay hộ nghèo ngày 13/11/2015 hạn trả vào ngày 13/11/2020. Số tiền gốc là 12.000.000 đồng, số tiền lãi 15/12/2022 là 2.847.010 đồng; cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, ngày vay 13/12/2011, hạn trả 08/3/2022, số tiền vay gốc là 41.500.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/12/2022 là 23.707.680 đồng. Các khoản nợ đã quá hạn trả nợ gốc, nợ lãi và nợ phân kỳ, nhưng đến nay hộ bà Cao Thị T1 chưa thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình để trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng chính sách xã hội như hồ sơ vay vốn đã ký nên

Phòng giao dịch NHCSXH huyện U Minh yêu cầu bà Cao Thị T1 và ông Nguyễn N và bà Nguyễn Phượng T2 trả dứt điểm cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 80.054.690 đồng, trong đó tiền gốc là 53.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/12/2022 là 26.554.690 đồng.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn, người liên quan chưa chấp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự, các Điều 91, 92, 95 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc yêu cầu bà Cao Thị T1, ông Nguyễn N, chị Nguyễn Phượng T2 trả tiền vay đối với khoản vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Buộc bà Cao Thị T1, ông Nguyễn N, chị Nguyễn Phượng T2 trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền gốc của hai khoản vay là 53.500.000đ và tiền lãi đến ngày 15/12/2022 là 26.554.690đ. Tổng cộng là 80.054.690đ. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án, đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng, yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã h thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3

Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Cao Thị T1, ông Nguyễn N, bà Nguyễn Phụng T2 đã được triệu tập hợp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã h có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đại diện Ngân hàng, bà Cao Thị T1, ông Nguyễn N và bà Nguyễn Phụng T2.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã h, các bị đơn không có mặt tại địa phương Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ các tài liệu do Ngân hàng chính sách xã h cung cấp Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ngày 13/11/2015 Ngân hàng chính sách xã h có giải ngân cho vay chương trình vay hộ nghèo do bà Cao Thị T và chồng là ông Nguyễn N vay số tiền gốc 12.000.000 đồng hạn trả nợ gốc là 13/11/2020; vay chương trình học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn ngày 13/11/2015 số tiền vay gốc là 41.500.000 đồng, hạn trả nợ là 08/3/2022. Quá trình vay đến hạn trả nợ, Ngân hàng chính sách xác định hộ bà N chưa trả nợ vay và vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Xét thấy, hộ ông N, bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản vay hộ nghèo, bà T1, ông N, bà T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ khoản vay học sinh sinh viên nên Ngân hàng chính sách xã h yêu cầu ông N, bà T1, bà T2 cùng có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận, theo đó, buộc ông Nguyễn N và bà Cao Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã h số tiền vay gốc là 12.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 15/12/2022 là 2.847.010 đồng, tổng cộng là 14.847.010 đồng cho khoản vay hộ nghèo và buộc ông Nguyễn N, bà Cao Thị T1 và bà Nguyễn Phụng T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã h số tiền số tiền vay gốc là 41.500.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/12/2022 là 23.707.680 đồng cho khoản vay học sinh sinh viên, tổng cộng là 65.207.680 đồng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu Ngân hàng chính sách xã h đối với ông N, bà T1, bà T2 về việc trả tiền vay là có căn cứ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/11/2015 và ngày 03/12/2011 từ ngày 16/12/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[3] Án phí dân sự có giá ngạch ông Nguyễn N và bà Cao Thị T1 phải chịu là $14.847.010 \text{ đồng} \times 5\% = 742350 \text{ đồng}$. Ông Nguyễn N, bà Cao Thị T1 và bà Nguyễn Phụng T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền $65.207.680 \text{ đồng} \times 5\% = 3.260.384 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 288; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 92, 95 Luật các tổ chức tín dụng Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đối với bà Cao Thị T1, ông Nguyễn N, bà Nguyễn Phượng T2 về việc trả tiền vay.

Buộc ông Nguyễn N và bà Cao Thị T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tổng cộng là 14.847.010 (Mười bốn triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn) đồng (trong đó gốc là 12.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 15/12/2022 là 2.847.010 đồng của khoản vay hộ nghèo).

Buộc ông Nguyễn N, bà Cao Thị T1 và bà Nguyễn Phượng T2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tổng cộng là 65.207.680 (Sáu mươi lăm triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, sáu trăm tám mươi) đồng (trong đó số tiền vay gốc là 41.500.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/12/2022 là 23.707.680 đồng cho khoản vay học sinh sinh viên).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/11/2015 và ngày 03/12/2011 từ ngày 16/12/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Án phí dân sự có giá ngạch ông Nguyễn N và bà Cao Thị T1 phải chịu là 14.847.010 đồng $\times 5\% = 742.350$ (Bảy trăm bốn mươi hai ngàn, ba trăm năm mươi) đồng. Ông Nguyễn N, bà Cao Thị T1 và bà Nguyễn Phượng T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 65.207.680 đồng $\times 5\% = 3.260.384$ (Ba triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, ba trăm tám mươi bốn) đồng (chưa nộp).

- Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng

